CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số CBCL: TB460576-150619/Công ty Cổ phần Đồ uống cao cấp Thái Lan/2019

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty Cổ phần Đồ uống cao cấp Thái Lan**

Địa chỉ: Thôn Ngọc Lịch, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: +84 0221 3997457 Fax: +84 0221 3997458

E-mail: khanhtran@thaicom360.vn

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 53/2018/ATTP-CNĐK Ngày Cấp 31 tháng 08 năm 2018/Nơi cấp: Chi Cục An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm Tỉnh Hưng Yên.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Trà bí 360

2. Thành phần: Nước, đường kính(>55 g/l), nước cốt bí đao (>1 g/l), màu thực phẩm (150d), nước cốt hoa quả khác (>2 g/L) chất điều vị (955), chất bảo quản (211,202), hương trà bí tự nhiên và giống tự nhiên

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Lon nhôm 240 ml, 250 ml, 305 ml, 315 ml 318 ml, 320ml.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty Cổ phần Đồ uống cao cấp Thái Lan, địa chỉ Thôn Ngọc Lịch, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn

- Giới hạn các chất nhiễm bẩn theo QCVN 6-2:2010/BYT và Quyết định 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007

- Giới hạn theo văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15 tháng 06 năm 2015 của Bộ Y tế về hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm

- QCVN 12-3:2011/BYT Quy chuẩn quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 06 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ UỐNG CAO CẤP THÁI LAN

GIÁM ĐỐC CHẤT LƯỢNG

Nguyễn Trí Thành

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

SỞ KẾ HOẠCH & ĐẦU TƯ TỈNH HƯNG YÊN	SẢN PHẨM	Số CBCL: *TB460576-150619*
Công ty Cổ phần Đồ uống cao cấp Thái Lan.	**Trà Bí 360**	*Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 06 năm 2019*

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Sản phẩm dạng lỏng đồng nhất.
- Màu sắc: Màu nâu đặc trưng của sản phẩm
- Mùi vị: mùi thơm đặc trưng của sản phẩm trà bí đao, vị ngọt hài hòa.

2. Các chỉ tiêu hóa lý:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng Axit (tính theo axit Cittric)	g/l	≤ 3,5
2	Hàm lượng Đường tổng số	g/l	> 55
3	Nước ép cô đặc	g/l	>1

3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Theo QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	10^2
2	Coliform	CFU/ml	10
3	E.coli	CFU/ml	0
4	Streptococci faecal	CFU/ml	0
5	Pseudomonas aeruginosa	CFU/ml	0
6	Clostridium perfringens	CFU/ml	0
7	Tổng số nấm men và mốc	CFU/ml	10
8	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	10^2

4 Hàm lượng kim loại nặng: Theo QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Pb	mg/l	0,05

TRÀ BÍ 360®

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO
DO NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN

FDA REGISTERED No.18478660560

Sản phẩm đã được đăng ký sản lượng tại cơ quan Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ
Số đăng ký: 18478660560

CHẤT LƯỢNG XUẤT MỸ

THAICOM

Sparkling

TRÀ BÍ 360®

320 mL

CHẤT LƯỢNG XUẤT MỸ

HEALTHY FOOD HEALTHY LIFE! Life

TRÀ BÍ 360®

Thành phần/Ingredients:
Nước, đường kính (>55 g/L), nước cốt bí đao (>1 g/L), nước cốt hoa quả khác (>2 g/L), màu thực phẩm (150 d), chất điều vị (955), chất bảo quản (211, 202), hương trà bí tự nhiên và giống tự nhiên. Water, total sugar content (>55 g/L), winter melon juice (> 1g/L), fruit juice (>2g/L), food color (150d), sweetener (955), preservative (211, 202), winter flavour.

Sản phẩm của Công ty CP đồ uống cao cấp Thái Lan, Ngọc Lịch, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên, Việt Nam.
Manufactured by: Thailand Beverage Cans Holding Company, Ngoc Lich, Trung Trac, Van Lam, Hung Yen, Vietnam.
Web: thaicom360.vn
Tel: 84.221.399.7457
Fax: 84.221.399.7458
Email: khanhtran@thaicom360.vn

NSX và HSD: Xem dưới đáy lon. Lắc đều trước khi sử dụng! Bảo quản nơi thoáng mát, tránh nắng - Uống trực tiếp, ngon hơn khi uống lạnh

Giá trị dinh dưỡng trung bình 320 mL:

Năng lượng	70 Kcal
Đường	>55 g/L
Fruit Juice	>2 g/L

Thể tích thực:
320 mL

8 936011 460576

TB460576-150619

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ UỐNG CAO CẤP THÁI LAN
H. VĂN LÂM - T. HƯNG YÊN

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG
CENTER FOR PREVENTIVE MEDICINE
Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Tel: 0243.773.0178 **Email:** khoaxetnghiem.ytdphn@gmail.com

VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/*No.*: 18.07.25.1470

1. Tên mẫu: *Name of sample* — Nước trà bí 360
2. Tên/địa chỉ khách hàng: *Name/Address of customer* — Công ty cổ phần đồ uống cao cấp Thái Lan, Thôn Ngọc Lịch, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
3. Mô tả mẫu/*Description*: Trong 06 lon 320mL
4. Ngày nhận mẫu: *Date of receiving* — 25/07/2018
5. Người lấy/gửi mẫu: *Sample taking* — Khách hàng tự gửi / *By customer*

BẢN SAO

6. Kết quả thử nghiệm: *Test result*

TT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	Giới hạn cho phép *Regular limit* QCVN 6-2:2010/BYT
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí * *Total aerobic microorganisms*	TCVN 4884-1:2015	CFU/mL	$1,2x10^1$	10^2
2	Coliforms *	TCVN 6848:2007	CFU/mL	KPH (<1 CFU/mL)	10
3	*Escherichia coli* *	TCVN 7924-2:2008	CFU/mL	KPH (<1 CFU/mL)	0
4	*Staphylococcus aureus* *	TCVN 4830-1:2005	CFU/mL	KPH (<1 CFU/mL)	0
5	*Clostridium perfringens*	TCVN 4991:2005	CFU/mL	KPH (<1 CFU/mL)	0
6	Faecal streptococci	TCVN 6189-2:1996	CFU/ mL	KPH (<1 CFU/mL)	0
7	*Pseudomonas aeruginosa*	ISO 16266:2006	CFU/ mL	KPH (<1 CFU/mL)	0
8	Tổng số bào tử nấm mốc, men *Total yeasts and moulds*	TCVN 8275-1:2010	CFU/mL	KPH (<10 CFU/mL)	10

Nhận xét: Mẫu trên **đạt** tiêu chuẩn vệ sinh về phương diện vi sinh vật đối với sản phẩm đồ uống không cồn (theo QCVN 6-2:2010/BYT).
*This sample **complies** with the standard on non-alcoholic beverage products in term of microbiology (according to QCVN 6-2:2010/BYT).*

Ngày: 21-06-2019

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2018
Hanoi, July 31, 2018

PHÒNG KIỂM NGHIỆM *LABORATORY*	TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM *HEAD OF DEPARTMENT*	KT. GIÁM ĐỐC *DIRECTOR*
ThS. Nguyễn Thành Đông	BS. Phùng Hoàng Yến PHÓ CHỦ TỊCH Đỗ Văn Lợi	PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ *(*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025*
2. KPH: Không phát hiện / *Not detected*
3. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm y tế dự phòng Hà Nội/ *The test report must not be reproduced without the written approval of Hanoi Center for Preventive Medicine.*
5. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 kể từ ngày hẹn trả kết quả/ *Do not receive claim in case of no having stored sample or over 05 days after the result.*
7. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/ *The test result is printed in 02 documents: 01 document is given to customer; 01 document is stored at Department of Laboratories.*

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG
CENTER FOR PREVENTIVE MEDICINE
Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Tel: 0243.773.0178 **Email:** khoaxetnghiem.ytdphn@gmail.com

VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 18.07.25.1470

1. Tên mẫu/*Name of sample* : **Nước trà bí 360**
2. Tên/địa chỉ khách hàng *Name/Address of customer* : Công ty cổ phần đồ uống cao cấp Thái Lan Thôn Ngọc Lịch, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.
3. Mô tả mẫu/*Description* : /
4. Ngày nhận mẫu/*Date of receiving* : 25/07/2018
5. Người lấy/gửi mẫu/*Sample taking* : Khách hàng tự gửi mẫu/ *By customer*
6. Kết quả thử nghiệm/*Test result*

BẢN SAO

TT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	Giới hạn cho phép *Regular limit*
1	Trạng thái cảm quan *Sensory properties*	KNCLVSATTP VDD-BYT/1991	/	Sản phẩm dạng lỏng, màu nâu tự nhiên, mùi thơm, vị ngọt.	TCCS/*GMP*
2	Axit (theo axit citric) *Acidity (Citric acid)*	KNCLVSATTP/91	g/L	0,22	TCCS/*GMP*
3	Đường tổng số/ *Total sugar*	TCVN 4594:1988	%	7,23	TCCS/*GMP*
4	Chất khô/ *Drying matter*	KNCLVSATTP/91	%	7,67	TCCS/*GMP*
5	Phẩm màu/ *Food colours*	TCVN 6470:2010	Định danh *Identification*	Không phát hiện	27/2012/TT-BYT 08/2015/TT-BYT theo quy định
6	Nhóm Saccharin/ *Saccharin group* (Saccharin, Calci saccharin, Natri saccharin, Kali saccharin)	TCVN 8471:2010	mg/L	Không phát hiện (< 10,0)	08/2015/TT-BYT ≤ 300
7	Aspartam/ *Aspartame*	TCVN 8471:2010	mg/L	Không phát hiện (< 10,0)	08/2015/TT-BYT ≤ 600
8	Acesulfam K/ *Acesulfame K*	TCVN 8471:2010	mg/L	Không phát hiện (< 10,0)	08/2015/TT-BYT ≤ 600
9	Nhóm Cyclamat/ *Cyclamate group* (Acid cyclamic, Natri cyclamat, Calci cyclamat)	TCVN 8472:2010	mg/L	Không phát hiện (< 10,0)	08/2015/TT-BYT ≤ 350
10	Nhóm Sorbat/ *Sorbate group* (Acid sorbic, Natri sorbat, Kali sorbat, Calci sorbat)	HPLC/UV	mg/L	Không phát hiện (< 10,0)	08/2015/TT-BYT ≤ 500
11	Nhóm Benzoat/ *Benzoate group* (Acid benzoic, Natri benzoat, Kali benzoat, Calci benzoat)	HPLC/UV	mg/L	Không phát hiện (< 10,0)	27/2012/TT-BYT ≤ 600
12	Chì/ *Lead* (Pb)	TCVN 7929:2008	mg/L	Không phát hiện (< 0,005)	QCVN 6-2:2010/BYT ≤ 0,05

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 21-06-2019

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2018/ Hanoi, August 01, 2018

PHÒNG KIỂM NGHIỆM *LABORATORY*	TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM *HEAD OF DEPARTMENT*	KT. GIÁM ĐỐC *DIRECTOR*
ThS. Nguyễn Thành Trung	Bs. Nguyễn Mạnh Hùng	PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Thị Kiều Anh

PHÓ CHỦ TỊCH
Đỗ Văn Loại

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ *(*) Characteristics recognized by ISO/IEC 17025*
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm y tế dự phòng Hà Nội/ *The test report must not be reproduced without the written approval of Hanoi Center for Preventive Medicine.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Do not receive claim in case of no having stored sample or over 05 days after the result.*
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/ *The test result are printed in 02 documents: 01 document is given to customer; 01 document is stored at Department of Laboratories.*

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: 84-2432262215 / 84-2432262216 Fax: 84-2439335738 * Website: www.nifc.gov.vn

Số: 4847/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

BẢN SAO

1. Tên mẫu: Nước Trà Bí 360
2. Mã số mẫu: 03191440/DV
3. Mô tả mẫu: Nguyên lon 320mL - Số lượng: 2
   NSX: 23/02/2019 - HSD: 23/02/2020; Không có mẫu lưu
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có
6. Ngày lấy mẫu: Không có
7. Ngày nhận mẫu: 20/03/2019
8. Thời gian thử nghiệm: 20/03/2019 - 28/03/2019
9. Nơi gửi mẫu: Công ty Cổ phần Đồ uống cao cấp Thái Lan
   Địa chỉ: Thôn Ngọc Lịch, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
10. Kết quả thử nghiệm: Chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
10.1	Hàm lượng Sucralose	mg/100mL	H.HD.QT.156 (UPLC-MS/MS)	15,6

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

TUQ.VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
Lê Thị Phương Thảo

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 21-06-2019

Số chứng thực 3041 quyển số 01 BS/SCT

PHÓ CHỦ TỊCH
Đỗ Văn Lợi

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu